

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22KA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: *Trắc nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29/06/2023

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114622002	Phan Phương Du	05/09/2004	Nữ	9,5	5,2	7,4	001	<i>Phan Phương Du</i>		
2	114622003	Trịnh Gia Hân	27/09/2004	Nữ	9,5	4,8	7,2	002	<i>Trịnh Gia Hân</i>		
3	114622021	Nguyễn Vũ Đức	11/04/2004	Nam	9,5	4,8	7,2	003	<i>Nguyễn Vũ Đức</i>		
4	114622029	Nguyễn Quốc Hữu	18/08/2004	Nam	9,5	4,6	7,1	004	<i>Nguyễn Quốc Hữu</i>		
5	114622030	Nguyễn Phước Huy	28/02/1999	Nam	9,5	4,2	6,9	005	<i>Nguyễn Phước Huy</i>		
6	114622032	Thạch Thị Ngọc Lan	28/01/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	006	<i>Thạch Thị Ngọc Lan</i>		
7	114622039	Lê Thị Tiểu Mi	21/08/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	007	<i>Lê Thị Tiểu Mi</i>		
8	114622044	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	02/05/2004	Nữ	9,0	4,0	6,5	008	<i>Nguyễn Thị Mỹ Ngân</i>		
9	114622045	Nguyễn Thanh Ngân	10/12/2003	Nữ	9,0	4,0	6,5	009	<i>Nguyễn Thanh Ngân</i>		
10	114622046	Thạch Thị Kim Ngân	20/04/2004	Nữ	9,0	3,8	6,4	010	<i>Thạch Thị Kim Ngân</i>		
11	114622051	Trần Thị Ánh Nguyệt	22/09/2004	Nữ	9,8	5,0	7,4	011	<i>Trần Thị Ánh Nguyệt</i>		9,8 ⁶⁴
12	114622054	Lữ Thị Như Phấn	28/10/2004	Nữ	9,0	3,8	6,4	012	<i>Lữ Thị Như Phấn</i>		
13	114622056	Hồng Phú	07/03/2004	Nam	9,3	5,2	7,3	013	<i>Hồng Phú</i>		
14	114622057	Nguyễn Thị Tố Quyên	17/01/2004	Nữ	9,5	3,6	6,6	014	<i>Nguyễn Thị Tố Quyên</i>		
15	114622059	Trần Thúy Quỳnh	14/09/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	015	<i>Trần Thúy Quỳnh</i>		
16	114622061	Kim Thị Sương	04/02/2002	Nữ	9,3	5,4	7,4	016	<i>Kim Thị Sương</i>		
17	114622067	Trần Thị Bảo Trâm	12/05/2004	Nữ	9,3	5,2	7,3	017	<i>Trần Thị Bảo Trâm</i>		
18	114622070	Tô Thị Huyền Trân	17/10/2004	Nữ							<i>Đổi</i>
19	114622078	Thạch Thị Hải Đăng	16/10/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	019	<i>Thạch Thị Hải Đăng</i>		
20	114622081	Lê Nhật Quang	29/12/2003	Nam	9,8	4,2	7,0	020	<i>Lê Nhật Quang</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *Phan Hữu Tài*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *Phan Hữu Tài*

Cán bộ kiểm tra: *Phan Hữu Tài*

29/6

D71.109

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22KB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29 / 06 / 2023

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114622004	Trần Minh Khôi	04/03/2004	Nam	8,0	6,8	7,4	001	<u>Ng</u>		
2	114622010	Nguyễn Ngô Ngọc Thảo	30/09/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	002	<u>Th</u>		
3	114622015	Nguyễn Nhật Anh	03/11/2004	Nam	9,5	5,6	7,6	003	<u>Ng</u>		
4	114622018	Trần Gia Bảo	02/02/2004	Nam	9,0	6,0	7,5	004	<u>B</u>		
5	114622020	Trần Thái Điền	07/05/2004	Nam	9,0	6,4	7,7	005	<u>Đ</u>		
6	114622031	Nguyễn Thanh Khang	06/09/2004	Nam	8,5	6,4	7,5	006	<u>S</u>		
7	114622036	Dương Triệu Mẫn	31/10/2004	Nữ	9,0	6,4	7,7	007	<u>mm</u>		
8	114622052	Phạm Thị Yến Nhi	17/12/2003	Nữ	9,0	7,4	8,2	008	<u>Ph</u>		
9	114622071	Lê Khánh Trinh	17/04/2004	Nam	9,5	6,2	7,9	009	<u>L</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ kiểm tra: Phan Hữu Tài

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22CK

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 06 / 2023

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111822003	Dương Hoài Lâm	16/07/2004	Nam	9,8	5,0	7,4	004	<u>du</u>		
2	111822005	Lý Hoàng Ân	10/12/2004	Nam	9,5	4,2	6,9	002	<u>ct</u>		
3	111822006	Từ Duy Ân	06/06/2004	Nam	9,3	5,2	7,3	003	<u>du</u>		
4	111822007	Lê Quang Bìn	25/12/2002	Nam	9,3	4,8	7,1	004	<u>bìn</u>		
5	111822008	Huỳnh Minh Đang	23/10/2004	Nam	8,5	5,2	6,9	005	<u>du</u>		
6	111822011	Lâm Gia Huy	29/10/2004	Nam	9,5	5,6	7,6	006	<u>guc</u>		
7	111822014	Nguyễn Duy Khôi	12/02/2004	Nam	9,3	4,0	6,7	007	<u>kh</u>		
8	111822016	Nguyễn Tấn Lộc	02/05/2004	Nam	9,3	5,2	7,3	008	<u>luc</u>		
9	111822018	Nguyễn Văn Nam	26/02/2004	Nam	9,5	5,6	7,6	009	<u>nam</u>		
10	111822019	Trần Minh Nhật	31/10/2004	Nam	9,3	5,6	7,5	010	<u>nh</u>		
11	111822021	Dương Thanh Nhựt	13/09/2004	Nam	9,5	4,4	7,0	011	<u>nh</u>		
12	111822022	Trần Phát Phú	03/12/2004	Nam	8,0	6,0	7,0	012	<u>ph</u>		
13	111822023	Trần Hoàng Quý	14/03/2004	Nam	8,5	5,6	7,1	013	<u>qu</u>		
14	111822025	Chau Sưng	22/01/2004	Nam	9,5	4,6	7,1	014	<u>sg</u>		
15	111822026	Nguyễn Thành Tài	13/06/2004	Nam	9,8	6,6	8,2	015	<u>tai</u>		
16	111822027	Quách Hữu Tài	03/06/2004	Nam	9,0	4,8	6,9	016	<u>huc</u>		
17	111822029	Phan Nguyễn Hiệp Thành	02/11/2002	Nam	9,5	5,2	7,4	017	<u>th</u>		
18	111822034	Nguyễn Hữu Trác	07/10/2004	Nam	9,5	4,2	6,9	018	<u>trac</u>		
19	111822037	Nguyễn Việt Tường	02/06/2004	Nam	9,5	4,4	7,0	019	<u>tu</u>		
20	111822042	Thạch Minh Tâm	11/05/2004	Nam							
21	111822043	Nguyễn Chí Tâm	23/02/2004	Nam	9,3	4,2	6,8	021	<u>tem</u>		
22	111822044	Nguyễn Duy Tân	26/03/2000	Nam	9,5	5,2	7,4	022	<u>tan</u>		
23	111822045	Lâm Trí Thức	18/02/2004	Nam	9,8	4,8	7,3	023	<u>tr</u>		
24	111822046	Nguyễn Hoài Nam	08/01/2004	Nam	9,3	6,2	7,8	024	<u>nam</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 24

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 23

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 23

Tổng số tờ: 23

Cán bộ coi thi 1: Phan Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 70%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Hữu Tài

29/6

D71.110

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA19CK

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29/6/2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111819054	Rôm Văn Niên	16/10/2000	Nam	/	/	/	/	/		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 51

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 50

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 0

Tổng số tờ: 0

Cán bộ coi thi 1:

Phan Hữu Tài

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Phan Hữu Tài

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA19DCN

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29 / 6 / 2023

Phòng thi: D21.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112119103	Trần Vũ Bình	17/05/2001	Nam	<u>9,0</u>	<u>3,2</u>	<u>6,2</u>	<u>002</u>	<u>BH</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Hữu Tài

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22NNAB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 06 / 2023

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422029	Hà Phương	Trinh	22/08/2004	Nữ						
2	110422034	Lê Thị Thúy	An	01/07/2003	Nữ	9,5	5,8	7,7	002		
3	110422035	Nguyễn Trần Hoài	An	03/03/2004	Nam	9,5	4,0	6,8	003		
4	110422036	Nguyễn Trâm	Anh	14/04/2004	Nữ	9,3	5,4	7,4	004		
5	110422037	Thạch Hoàng	Anh	20/11/2004	Nam	9,5	5,4	7,5	005		
6	110422039	Vương Phương	Anh	16/08/2004	Nữ	9,3					
7	110422041	Lê Ngọc An	Bình	08/12/2004	Nữ	9,5	5,4	7,5	007		
8	110422042	Lê Bội	Bội	04/11/2004	Nữ	9,3	5,4	7,4	008		
9	110422048	Trần Thị Khả	Danh	15/07/2004	Nữ	9,3	7,2	8,3	009		
10	110422049	Nguyễn Tấn	Đạt	31/05/2004	Nam	9,5	6,4	8,0	010		
11	110422050	Tăng Tấn	Đạt	15/10/2004	Nam	9,5	6,0	7,8	011		
12	110422051	Trang Phương	Diễm	29/04/2004	Nữ	9,8	7,6	8,7	012		
13	110422052	Hồ Bình	Điền	16/02/2004	Nam	9,3	4,4	6,9	013		
14	110422053	Lê Thanh	Định	11/03/2004	Nam	9,5	5,6	7,6	014		
15	110422054	Nguyễn Yến	Duy	16/03/2004	Nam	8,0	5,2	6,6	015		
16	110422055	Nguyễn Huỳnh	Giang	26/09/2004	Nữ	9,5	6,2	7,9	016		
17	110422056	Phạm Hồng	Hân	01/02/2004	Nữ	9,3	3,8	6,6	017		
18	110422059	Nguyễn Việt	Hằng	10/10/2004	Nữ	9,3	6,2	7,8	018		
19	110422060	Thạch Thị Mỹ	Hạnh	20/12/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	019		
20	110422063	Phan Tuấn	Huy	02/04/2004	Nam	9,3	6,0	7,7	020		
21	110422064	Triệu Khải	Huy	18/05/2004	Nam	8,0	4,4	6,2	021		
22	110422133	Huỳnh Kim	Như	15/05/2004	Nữ	9,8	6,8	8,3	022		
23	110422137	Trần Trung	Tín	29/10/2004	Nam	9,5	6,6	8,1	023		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ kiểm tra: Phan Hữu Tài

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

29/6
071.108

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22NCT
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29 / 06 / 2023
Phòng thi: 071.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115522001	Thạch Minh	Rurone	16/02/2004	Nam	9,0	4,6	6,8	015	<u>Phu</u>	
2	115522002	Thạch	Sát	19/07/2002	Nam	8,5	3,2	5,9	016	<u>Sát</u>	
3	115522003	Thạch	Tâm	10/02/2004	Nam	8,0	4,4	6,2	017	<u>hư</u>	
4	115522004	Thạch Sô	Thia	03/11/2004	Nam	9,0	5,2	7,1	018	<u>thia</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Phan Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 07 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phu

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22NN

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 06 / 2023Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114722004	Bùi Phúc Duy	03/11/2004	Nam	9,5	6,6	8,1	001	<i>[Signature]</i>		
2	114722007	Trần Thị Ngọc	02/07/2004	Nữ	9,8	4,0	6,7	002	<i>[Signature]</i>		
3	114722008	Trần Minh	01/03/2004	Nam	9,5	4,2	6,9	003	<i>[Signature]</i>		
4	114722010	Trần Thế	13/03/2004	Nam	8,0	5,2	6,6	004	<i>[Signature]</i>		
5	114722012	Thạch Khánh	27/01/2004	Nam	9,0	4,6	6,8	005	<i>[Signature]</i>		
6	114722014	Huỳnh Phạm Minh	24/01/2004	Nam	8,0	5,4	6,7	006	<i>[Signature]</i>		
7	114722015	Trịnh Minh	13/03/2004	Nam	9,5	5,0	7,3	007	<i>[Signature]</i>		
8	114722016	Võ Thanh	17/02/2004	Nam	9,5	4,2	6,9	008	<i>[Signature]</i>		
9	114722017	Trần Minh	27/09/2004	Nam	9,5	4,8	7,2	009	<i>[Signature]</i>		
10	114722018	Võ Hoàng	15/01/2004	Nam	8,0	4,4	6,2	010	<i>[Signature]</i>		
11	114722019	Nguyễn Thành	17/09/2004	Nam	9,5	5,0	7,3	011	<i>[Signature]</i>		
12	114722020	Thạch Thị Phương	29/12/2004	Nữ	9,5	4,8	7,2	012	<i>[Signature]</i>		
13	114722024	Lâm Thiên	23/02/2004	Nam	9,5	4,8	7,2	013	<i>[Signature]</i>		
14	114722025	Nguyễn Thị Thanh	03/10/2004	Nữ	9,5	6,6	8,1	014	<i>[Signature]</i>		
15	114722027	Thạch Hữu	30/04/2004	Nam	8,0	3,6	5,8	019	<i>[Signature]</i>		
16	114722029	Chau Mi	30/03/2004	Nam	8,0	3,8	5,9	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16Tổng số tờ: 16Cán bộ coi thi 1: Phan Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Son Son LaCán bộ kiểm tra: [Signature]

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22RHM

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29 / 06 / 2023

Phòng thi: D.11 / 109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116422004	Nguyễn Thành Đạt	04/04/2004	Nam	9,5	5,4	7,5	010	<u>Tat</u>		
2	116422011	Nguyễn Quốc Đông	11/11/2004	Nam	9,5	6,0	7,8	011	<u>Đ</u>		
3	116422013	Nguyễn Đăng Khoa	05/03/2004	Nam	9,5	4,6	7,0	012	<u>Đ</u>		
4	116422014	Đinh Ngọc Linh	14/07/2003	Nam	9,0	6,2	7,6	013	<u>Đ</u>		
5	116422019	Đào Thị Thanh Ngân	16/08/2004	Nữ	9,5	7,8	8,7	014	<u>Đ</u>		
6	116422021	Tạ Bảo Ngân	17/04/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	015	<u>M</u>		
7	116422028	Nguyễn Thành Phát	01/06/2004	Nam	9,3	5,4	7,4	016	<u>Phát</u>		
8	116422033	Lê Tú Quyên	04/01/2003	Nữ	9,5	7,4	8,5	017	<u>Quyên</u>		
9	116422041	Phan Khắc Thuần	09/04/2004	Nam	9,8	6,6	8,2	018	<u>Đ</u>		
10	116422048	Mai Xuân Trường	12/05/2004	Nam	9,5	6,0	7,8	019	<u>Đ</u>		
11	116422052	Võ Hoàng Vinh	18/12/2004	Nam	9,5	6,2	7,9	020	<u>VH</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 011

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đ

Cán bộ kiểm tra: Đ

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22THC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29 / 06 / 2023

Phòng thi: D71 / 109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322003	Quách Tiểu Băng	16/05/2004	Nữ	9,8	5,2	7,5	021	<u>Tuỳ</u>		
2	114322022	Trần Thị Bảo Hân	20/10/2004	Nữ	9,3	5,6	7,5	022	<u>Phan</u>		
3	114322023	Trần Thị Huỳnh Hân	21/07/2004	Nữ	9,5	5,2	7,4	023	<u>Phan</u>		
4	114322037	Lê Kim Khánh	29/05/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	024	<u>Phan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22DB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29/6/2023

Phòng thi: 771.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622065	Trương Thị Ý Nhi	10/11/2004	Nữ	9,5	5,4	7,5	003	<u>ph</u>		
2	115622067	Đoàn Mỹ Nhi	21/02/2004	Nữ	9,5	6,2	7,9	004	<u>ph</u>		
3	115622072	Nguyễn Thị Kiều Phương	02/04/2004	Nữ	9,5	7,0	8,3	005	<u>ph</u>		
4	115622081	Trần Thị Ngọc Thanh	22/07/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	006	<u>ph</u>		
5	115622109	Son Thị Huyền Trang	25/05/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	007	<u>ph</u>		
6	115622113	Ông Thị Cẩm Tú	21/03/2004	Nữ	9,5	8,2	8,9	008	<u>ph</u>		
7	115622115	Son Thị Na Uy	21/06/2004	Nữ	9,5	4,8	7,2	009	<u>ph</u>		
8	115622127	Cao Mỹ Ý	20/08/2003	Nữ	9,5	5,4	7,5	010	<u>ph</u>		
9	115622128	Nguyễn Ngọc Yên	25/09/2002	Nữ	9,5	6,4	8,0	011	<u>ph</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Hữu Tài

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22NNAA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29 / 6 / 2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422004	Nguyễn Ngọc Hiếu	27/07/2004	Nam	9,5	4,4	7,0	012	<u>Lưu</u>		
2	110422006	Sơn Thị Ánh Hồng	01/05/2004	Nữ	8,0	—	—	—	—		
3	110422008	Hồng Bảo Kim	27/04/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	014	<u>ai</u>		
4	110422015	Trần Thiên Công Lý	19/12/2004	Nữ	9,5	6,4	8,0	015	<u>ph</u>		
5	110422023	Lâm Phạm Minh Tâm	07/07/2004	Nữ	9,0	4,6	6,8	016	<u>ta</u>		
6	110422130	Hồ Như Huỳnh	29/09/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	022	<u>huỳnh</u>		
7	110422131	Trần Thiên Ngân	11/09/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	023	<u>ngân</u>		
8	110422132	Sơn Kim Nguyễn	14/07/2003	Nữ	9,0	5,6	7,3	024	<u>Kim</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: 08

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Hữu Tài

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22NNAC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....29/6/2023.....

Phòng thi:.....D71.110.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422065	Võ Khánh Huy	02/04/2004	Nam	9,3	5,2	7,3	017			
2	110422086	Lý Hữu Nhân	30/10/2004	Nam	9,3	5,2	7,3	018			
3	110422138	Hồ Thị Huyền Trân	05/07/2003	Nữ	9,0	6,8	7,9	020			
4	110422140	Châu Thị Hồng Trú	10/05/2004	Nữ	9,3	5,4	7,4	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....04.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....04.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....04.....

Tổng số tờ:.....04.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Điểm QT:.....50%; Điểm KT:.....50%.....

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA22NNAD

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29 / 6 / 2023

Phòng thi: 071.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422106	Phan Quốc Thiện	29/03/2002	Nam	<u>9,8</u>	<u>7,0</u>	<u>8,4</u>	<u>019</u>	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1:

[Signature] Đỗ Đình Kim Hoàn

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

[Signature]
Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

[Signature]